

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 20-02-2019.

V/v: “*Kiến yêu cầu
chia tài sản sau khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO.

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

1, Ông Hoàng Tuyển – Hiệu trưởng trường THCS Nguyễn Văn Trỗi.

2, Bà H'Uyên Ayun – Chuyên viên Phòng tư pháp huyện Ea H'Leo.

-Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Công Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 20/02/2019 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 67/2018/TLST-HNGĐ ngày 12/3/2018 về việc “*Kiến yêu cầu chia tài sản sau ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34a/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04/10/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 20a/2018/QĐST-DS ngày 17/10/2018 và Thông báo mở lại phiên tòa ngày 20/12/2018, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1974. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 9, xã Ea H'Leo, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

Hiện ở tại: Thôn Tân Thành, xã Ân Tường Đông, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Ông Bùi Văn B', sinh năm 1969. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 9, xã E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm: 1942. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 9, xã E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Bùi Huy V, sinh năm: 1967, Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 9, xã E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà B là nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị B và ông Bùi Văn B' về sống chung với nhau từ năm 2006. Do cuộc sống chung không được hạnh phúc, nên ngày 02/8/2017 được Tòa án huyện Ea H'Leo giải quyết bằng Quyết định thuận tình ly hôn số 110/2017/QĐST-HNGĐ và việc nuôi con chung, về tài sản chung bà B, ông B' không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bà B và ông B' không thỏa thuận phân chia các tài sản chung được, nên bà B làm đơn yêu cầu Tòa án chia các tài sản chung gồm:

- 01 mảnh đất diện tích 5.079 m², tọa lạc tại thôn 9, xã Ea H'Leo, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk, tại thửa đất số 174, tờ bản đồ số 24 (đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Trên đất có các tài sản sau:

- + 01 ngôi nhà xây tạm diện tích 71,7 m²;
- + 01 nhà bếp diện tích 7,5 m²;
- + 01 sân xi măng diện tích 98,52 m²;
- + 01 giếng nước rộng 1 m, sâu 24 m xây thành nắp đậy;
- + 45 cây bơ thường trồng năm 2013;
- + 350 trụ tiêu trồng năm 2016;
- + 300 cây cà phê trồng năm 1998;
- + 01 trụ phát sóng Việt Nam Mobi (giá thuê mặt bằng là 2.000.000 đồng/tháng);
- + 01 trụ phát sóng HTC (giá thuê mặt bằng là 1.500.000 đồng/tháng);

- 01 mảnh đất rẫy diện tích 17.819,1 m², trên đất trồng 500 cây chuối, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại thôn 7, xã Ea H'Leo, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

- Các tài sản khác gồm:

- + 01 tủ thờ bằng gỗ cao 1,4m, rộng 50cm, dài 1,4m;
- + 01 ti vi 21in hiệu TCL;
- + 01 bộ bàn ghế sa lông bằng gỗ;
- + 01 bàn tròn Inox và 12 ghế nhựa;
- + 01 bồn nước Inox 1.000 lít;
- + 01 bếp ga đôi hiệu KinFa và 01 bình ga lớn;
- + 01 tủ lạnh hiệu Panasonic;

+ 01 bơm nước 2,5 Kw + ống nước dài 50m, phi 40 + dây điện dài 24m;

Bà Biên cho rằng đây là các tài sản chung của bà Biên và ông Bé, nên bà Biên yêu cầu chia mỗi người $\frac{1}{2}$ trị giá tài sản;

Ngoài ra bà B không yêu cầu chia tài sản nào khác;

Về nợ chung: Năm 2017 bà B và ông B' vay của Ngân hàng NN&PTNT Ea Ral số tiền 70.000.000 đồng. Trước khi bà B và ông B' ly hôn, bà B và ông B' đã trả được 20.000.000 đồng, còn nợ lại 50.000.000 đồng và lãi suất. Sau khi bà B và ông B' ly hôn, ông B' đứng ra trả 50.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất cho Ngân hàng. Vì ông B' là người đứng ra trả nợ còn lại cho Ngân hàng nên bà B đồng ý trả lại cho ông B' $\frac{1}{2}$ số tiền này.

Bà B và ông B' có nợ bà Nguyễn Thị L số tiền 15.000.000 đồng đến hạn không có tiền trả, ông B' lấy tiền thuê trụ phát sóng và tiền nhà đưa cho bà B để bà B trả cho bà L, bà B cũng công nhận đã trả nợ cho bà L.

Việc ông B' trình bày có nợ ông Bùi Huy V số tiền 15.000.000 đồng bà B không biết nên bà B không đồng ý cùng ông B' trả nợ cho ông V.

Ngoài ra không còn nợ ai khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Bùi Văn B' là bị đơn trình bày:

Ông B' chỉ công nhận các tài sản chung của ông B' và bà B gồm:

- + 01 ngôi nhà xây tạm diện tích 71,7 m²;
- + 01 nhà bếp diện tích 7,5 m²;
- + 01 sân xi măng diện tích 98,52 m²;
- + 01 giếng nước rộng 1 m, sâu 24 m xây thành nắp đậy;
- + 45 cây bơ thường trồng năm 2013;
- + 350 trụ tiêu trồng năm 2016;
- + 01 tủ thờ bằng gỗ cao 1,4m, rộng 50cm, dài 1,4m;
- + 01 ti vi 21in hiệu TCL;
- + 01 bộ bàn ghế sa lông bằng gỗ;
- + 01 bàn tròn Inox và 12 ghế nhựa;
- + 01 bồn nước Inox 1.000 lít;
- + 01 bếp ga đôi hiệu KinFa và 01 bình ga lớn;
- + 01 tủ lạnh hiệu Panasonic.
- + 01 bơm nước 2,5 Kw + ống nước dài 50m, phi 40 + dây điện dài 24m;

Còn đối với các tài sản khác gồm:

- 01 mảnh đất diện tích 5.079 m², tọa lạc tại thôn 9, xã Ea H'Leo, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk, tại thửa đất số 174, tờ bản đồ số 24 (đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Trên đất có các tài sản sau:

+ 300 cây cà phê trồng năm 1998;

+ 01 trụ phát sóng Việt Nam Mobi (giá thuê mặt bằng là 2.000.000 đồng/tháng);

+ 01 trụ phát sóng HTC (giá thuê mặt bằng là 1.500.000 đồng/tháng);

Nguồn gốc đất và tài sản trên đất là của mẹ ông B' (bà Nguyễn Thị Ch) để lại cho ông B' đầu tư làm ăn chứ không phải tài sản chung của ông B' và bà B.

- 01 mảnh đất rẫy, diện tích 17.819,1 m², trên đất trồng 500 cây chuối, chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại thôn 7, xã Ea H'Leo, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk. Đối với lô đất này là do ông B' khai hoang trước khi lấy bà B, nên đây là tài sản riêng của ông B', còn số cây chuối trên đất (sau khi bà B đi tù về tội Cố ý gây thương tích) là do ông B' tự trồng, không phải tài sản chung.

Ngoài ra không còn tài sản nào khác.

Về nợ chung:

Vào năm 2017 ông B' và bà B vay của Ngân hàng NN&PTNT Ea Ral số tiền 70.000.000 đồng. Trước khi ông B' và bà B ly hôn, ông B' và bà B cùng trả cho Ngân hàng được 20.000.000 đồng, còn nợ lại 50.000.000 đồng và lãi suất. Sau khi ông B' và bà B ly hôn, ông B' đứng ra trả 50.000.000 đồng nợ gốc và 3.000.000 đồng nợ lãi suất cho Ngân hàng. Vì vậy, ông B' yêu cầu bà B trả lại cho ông B' ½ số tiền này (là 26.500.000 đồng).

Vì ông B' và bà B có nợ bà Nguyễn Thị L số tiền 15.000.000 đồng đến hạn không có tiền trả, nên ông B' có vay của ông Bùi Huy V, trú tại thôn 9, xã E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk số tiền 15.000.000 đồng đưa cho bà B để trả cho bà L, nên hiện nay vẫn còn nợ ông V số tiền này. Nay ông B' yêu cầu bà B trả lại cho B' ½ số tiền này là 7.500.000 đồng để ông B' trả nợ cho ông V.

Ngoài ra không còn nợ ai khác.

Bà Nguyễn Thị Ch là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Đối với các tài sản như:

- 01 mảnh đất diện tích 5.079 m², tọa lạc tại thôn 9, xã Ea H'Leo, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk, tại thửa đất số 174, tờ bản đồ số 24 (đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Trên đất có các tài sản sau:

+ 300 cây cà phê trồng năm 1998;

+ 01 trụ phát sóng Việt Nam Mobi (giá thuê mặt bằng là 2.000.000 đồng/tháng);

+ 01 trụ phát sóng HTC (giá thuê mặt bằng là 1.500.000 đồng/tháng);

Nguồn gốc đất và tài sản trên đất là của bà Ch để lại cho ông B' đầu tư làm ăn đây không phải tài sản chung của ông B' và bà B. Nên việc bà B yêu cầu chia tài sản này bà Ch không đồng ý.

Đối với 02 trụ phát sóng nằm trên đất là do bà Ch ký cho thuê mặt bằng làm trụ phát sóng và nhận tiền thuê, nên tiền thuê mặt bằng hàng tháng không phải của ông B' và bà B.

Ông Bùi Huy V là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Vì chỗ anh em với nhau nên vào năm 2017 ông V có cho ông B' vay số tiền 15.000.000 đồng để lo việc gia đình, cho đến nay ông B' vẫn chưa trả nợ cho ông V. Nay ông B', bà B chia tài sản chung, nên ông V yêu cầu ông B', bà B trả số tiền nợ này cho ông V.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng trình tự theo quy định của pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự tại phiên tòa thể hiện việc bà B khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 38; Điều 59; Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 213; Điều 219 Bộ luật dân sự. Cần phân chia các tài sản như sau:

- + 01 nhà ở + bếp diện tích 71,7 m²;
- + 01 nhà bếp khác diện tích 7,5 m²;
- + 01 sân xi măng diện tích 98,52 m²;
- + 01 cái giếng đào năm 2016, sâu 24m;
- + 01 tủ thờ;
- + 01 ti vi;
- + 01 bộ bàn ghế gỗ Cắm xe sa long thể;
- + 01 bộ bàn tròn Inox;
- + 01 bồn nước Inox 1000 lít;
- + 01 bếp ga đôi hiệu KINF A;
- + 01 tủ lạnh hiệu Panasonic;
- + 01 bơm nước 2,5kw + ống nước dài 50m, phi 40 + dây điện dài 24m.

Vì vậy, chia ½ theo kết quả thẩm định giá tài sản.

- Đối với 350 trụ tiêu năm 2016; 45 cây bơ trồng năm 2013, nằm trên diện tích đất 5079m² tọa lạc tại thôn 9, xã E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, thửa số 174, tờ bản đồ 24 đã được cấp GCNQSDĐ được hình thành trong thời kỳ hôn nhân và sau khi được cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B' và bà B nên đây là tài sản chung. Vì vậy, chia $\frac{1}{2}$ theo kết quả thẩm định giá tài sản.

- Đối với diện tích đất 5079m² tọa lạc tại thôn 9, xã E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, thửa số 174, tờ bản đồ 24 đã được cấp GCNQSDĐ trên đất gồm: 300 cây cà phê; 01 trụ phát sóng Việt Nam Mobile (thuê 2.000.000 đồng/tháng) có nguồn gốc và tài sản là của bà Nguyễn Thị Ch ủy quyền cho ông B' sử dụng và định đoạt; quá trình sinh sống với bà B thì ông B' đưa vào tài sản chung của vợ chồng khi làm giấy GCNQSDĐ từ bà Ch sang tên ông B', bà B, đến năm 2017 thì ký hợp đồng thêm 01 trụ phát sóng HTC (thuê 1.500.000 đồng/tháng). Vì vậy, cần chia cho bà B phần công sức đóng góp 3/10 phần, ông B' 7/10 phần theo kết quả thẩm định giá tài sản.

- Đối với 01 mảnh đất rẫy diện tích khoảng 17.819,1 m² tọa lạc tại thôn 8, xã E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, chưa được cấp GCNQSDĐ, trên đất có trồng 500 cây chuối, theo quyết định số 3780/QĐ-UBND huyện Ea H'Leo về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình đồi mồi Dự án Hồ chứa nước Ea H'Leo 1, huyện Ea H'Leo thì được bồi thường số tiền 308.073.220 đồng, xác định đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân nên chia $\frac{1}{2}$ là phù hợp.

* Về nợ chung: Ngày 04/02/2016 bà B và ông B' có vay số tiền 70.000.000 đồng của NHNN&PTNT chi nhánh Ea Ral đến ngày 04/02/2017 (trước khi ly hôn) thì trả được 20.000.000 đồng, sau này vào ngày 04/02/2018 thì ông B' trả hết số nợ cho Ngân hàng là 50.000.000 đồng và lãi 3.000.000 đồng nên buộc bà B trả lại cho ông B' $\frac{1}{2}$ số tiền này là 26.500.000 đồng.

Bà B và ông B' có nợ bà Nguyễn Thị L 15.000.000 đồng đến hạn không có tiền trả nên ông B' có vay của ông Bùi Huy V, trú tại thôn 9, xã E, huyện L 15.000.000 đồng để đưa cho bà B trả cho bà L. Vì vậy buộc bà B trả cho ông B' $\frac{1}{2}$ số tiền này là 7.500.000 đồng.

Hiện nay bà Nguyễn Thị B đã chuyển về xã Ân Tường Đông, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định sinh sống nên giao cho ông Bùi Văn B' quản lý các thửa đất trên, ông B' phải trả cho bà B số tiền được chia theo kết quả định giá tài sản.

- Đối với ý kiến của bà Nguyễn Thị Ch về diện tích đất 5079m² tọa lạc tại thôn 9, xã E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, thửa số 174, tờ bản đồ 24 đã được cấp GCNQSDĐ là tài sản riêng của bà Ch ủy quyền cho ông B' sử dụng và định đoạt nên không phải tài sản chung là không hợp lý nên không chấp nhận. Vì trong hợp đồng ủy quyền ngày 26/3/2012 bà Ch ủy quyền cho ông B' sử dụng và định đoạt tài sản này, quá trình sinh sống ông B' đưa vào tài sản chung vợ chồng và đã làm giấy CNQSDĐ số BK 351705 ngày 26/3/2013 mang tên Bùi Văn B' và Nguyễn Thị B.

Vì vậy, cần chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà B như trên. Bà B và ông B' phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại

phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Pháp luật về tố tụng: Bà Nguyễn Thị B và ông Bùi Văn B' tự nguyện về sống chung với nhau từ 2006. Trong quá trình sống chung hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nên ngày 02/8/2017 được Tòa án huyện Ea H'Leo giải quyết bằng Quyết định thuận tình ly hôn số 110/2017/QĐST-HNGĐ, nhưng về tài sản chung bà B, ông B' không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì bà B và ông B' không tự thỏa thuận chia các tài sản chung được, nên bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án chia các tài sản chung, Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Pháp luật về nội dung:

Các tài sản bà B yêu cầu chia, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với lô đất diện tích 5.079 m², tọa lạc tại thôn 9, xã E, huyện L, đã được UBND huyện Ea H'Leo cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số BK 351705 cấp ngày 26/3/2013 mang tên hộ ông Bùi Văn B' và bà Nguyễn Thị B. Trên đất có các tài sản sau: 300 cây cà phê; 01 trụ phát sóng Việt Nam Mobi; 01 trụ phát sóng HTC. Về nguồn gốc đất và tài sản trên đất là của bà Nguyễn Thị Ch (mẹ ông B') được thể hiện tại Giấy chứng nhận QSDĐ số AM 676456 cấp ngày 17/4/2009 mang tên bà Nguyễn Thị Ch, đến năm 2012 bà Ch giao lại lô đất này cho ông B' sử dụng, sau đó ông B' đi làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận QSDĐ số BK 351705 cấp ngày 26/3/2013 mang tên hộ ông Bùi Văn B' và bà Nguyễn Thị B. Trong thời gian chung sống ông B' đã tự nguyện nhập tài sản riêng của mình là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất vào khối tài sản chung của ông B' và bà B. Như vậy, có đầy đủ căn cứ pháp lý để khẳng định đây là tài sản chung của ông B', bà B nhưng công sức đóng góp của ông B' vào việc tạo lập khối tài sản này nhiều hơn so với bà B. Vì vậy, cần chia cho bà B 20%, ông B' 80% giá trị đất và tài sản trên đất là phù hợp. Ngoài ra, trên đất còn có một số tài sản khác: 01 ngôi nhà xây tạm diện tích 71,7 m²; 01 nhà bếp diện tích 7,5 m²; 01 sân xi măng diện tích 98,52 m²; 01 giếng nước rộng 1 m, sâu 24 m xây thành nắp đậy; 45 cây bơ thường; 350 trụ tiêu ông B' và bà B thừa nhận đây là tài sản chung của hai người, nên cần chia mỗi người ½ giá trị.

Đối với mảnh đất rẫy diện tích 17.819,1 m², trên đất trồng 500 cây chuối, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại thôn 7, xã E, huyện L. Về nguồn gốc đất và tài sản trên đất ông B' khai là tài sản riêng của ông B' có trước khi về sống chung với bà B, nhưng ông B' không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh đây là tài sản riêng của ông B' nên yêu cầu này của ông B' không được chấp nhận. Như vậy, đây là tài sản chung của ông B' và bà B nên cần chia mỗi người ½ giá trị tài sản. Tuy nhiên, qua xác minh tại Địa chính xã E thì diện tích đất này thuộc đất quy hoạch dự án hồ chứa nước Ea H'Leo 1 và tại Quyết định số 3780/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND huyện Ea H'Leo về việc phê duyệt phương án bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình đầu mối Dự án hồ chứa nước Ea H'Leo 1, huyện Ea H'Leo thì toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất được hỗ trợ bồi thường với tổng số tiền 308.073.220 đồng. Danh sách nhận tiền hỗ trợ bồi thường mang tên ông B', nên ông B' là người được nhận số tiền này, vì vậy cần buộc ông B' trả lại cho bà B ½ số tiền nói trên.

Đối với các tài sản khác gồm: 01 tủ thờ bằng gỗ cao 1,4m, rộng 50cm, dài 1,4m; 01 tivi 21inch hiệu TCL; 01 bộ bàn ghế sa lông bằng gỗ; 01 bàn tròn Inox và 12 ghế nhựa; 01 bồn nước Inox 1.000 lít; 01 bếp ga đôi hiệu KinFa và 01 bình ga lớn; 01 tủ lạnh hiệu Panasonic; 01 bơm nước 2,5 Kw + ống nước dài 50m, phi 40 + dây điện dài 24m. Bà B và ông B' thừa nhận đây là tài sản chung của hai người, nên cần chia mỗi người $\frac{1}{2}$ giá trị.

Đối yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ch: Bà Ch cho rằng diện tích 5.079 m² đất và tài sản trên đất là tài sản của bà Ch, bà Ch không đồng ý chia cho bà B, nhưng bà Ch đã giao tài sản này lại cho ông B' và ông B' đã nhập tài sản này vào khối tài sản chung của ông B', bà B từ năm 2013 nhưng bà Ch không có ý kiến gì, nên yêu cầu này của bà Ch không được chấp nhận.

Về nợ chung:

Vào năm 2017 ông B' và bà B vay của Ngân hàng NN&PTNT Ea Ral số tiền 70.000.000 đồng. Trước khi ông B' và bà B ly hôn, ông B' và bà B cùng trả cho Ngân hàng được 20.000.000 đồng, còn nợ lại 50.000.000 đồng và lãi suất. Sau khi ông B' và bà B ly hôn, ông B' đứng ra trả 50.000.000 đồng nợ gốc và 3.000.000 đồng nợ lãi suất cho Ngân hàng, bà B cũng thừa nhận việc này, nên cần buộc bà B trả lại cho ông B' $\frac{1}{2}$ số tiền mà ông B' đã trả nợ cho Ngân hàng là $(53.000.000 \text{ đồng} : 2) = 26.500.000 \text{ đồng}$.

Ông B' và bà B nợ bà Nguyễn Thị L số tiền 15.000.000 đồng đến hạn không có tiền trả cho bà L, nên ông B' có vay của ông Bùi Huy V 15.000.000 đồng đưa cho bà B để trả cho bà L, bà B cũng thừa nhận có nhận của ông B' 15.000.000 đồng để trả nợ cho bà L, nên cần buộc bà B trả lại cho ông B' $\frac{1}{2}$ số tiền mà ông B' vay của ông V là $(15.000.000 \text{ đồng} : 2) = 7.500.000 \text{ đồng}$ để ông B' trả nợ cho ông V.

Từ những nhận định nêu trên, HĐXX nhận thấy: Sau khi ly hôn ông B' là người quản lý và sử dụng toàn bộ số tài sản nói trên. Mặc khác, sau khi ly hôn bà B không còn sinh sống tại thôn 9, xã E, huyện L mà hiện tại bà B về sinh sống tại thôn Tân Thành, xã Ân Tường Đông, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định. Vì vậy cần giao toàn bộ tài sản nói trên cho ông B' sử dụng và sở hữu, ông B' có trách nhiệm trả lại cho bà B bằng tiền theo giá trị tài sản được chia.

Tài sản ông B' được nhận gồm:

01 lô đất diện tích 5.079 m² đã được UBND huyện Ea H'Leo cấp GCNQSDĐ số BK 351705 cấp ngày 26/3/2013 mang tên hộ ông Bùi Văn B' và bà Nguyễn Thị B, tọa lạc tại thôn 9, xã E, huyện L, có tứ cận như sau Phía Đông giáp đường liên thôn; Phía Tây giáp đất ông O; Phía Nam giáp đất ông M; Phía Bắc giáp đường liên thôn. Trên đất có các tài sản sau: 300 cây cà phê; 01 trụ phát sóng Việt Nam Mobi; 01 trụ phát sóng HTC. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất được xác định có giá trị là 244.162.500 đồng. Đối với tài sản này ông B' được chia 80% giá trị tài sản là $(244.162.500 \text{ đồng} \times 80\%) = 195.330.000 \text{ đồng}$, bà B được chia 20% giá trị tài sản là $(244.162.500 \text{ đồng} \times 20\%) = 48.832.500 \text{ đồng}$. Vì ông B' được nhận tài sản, nên ông B' có trách nhiệm trả cho bà B 48.832.500 đồng. Ngoài ra, trên đất còn có một số tài sản khác: 01 ngôi nhà xây tạm diện tích 71,7 m²; 01 nhà bếp diện tích 7,5 m²; 01 sân xi măng diện tích 98,52 m²; 01

giếng nước rộng 1 m, sâu 24 m xây thành nắp đáy; 45 cây bơ thường; 350 trụ tiêu ông B', bà B thừa nhận đây là tài sản chung của hai người, nên cần chia mỗi người $\frac{1}{2}$ giá trị. Tổng giá trị tài này được xác định có giá trị là 199.372.856 đồng. Vì ông B' được nhận tài sản, nên ông B' có trách nhiệm trả cho bà B $(199.372.856 \text{ đồng} : 2) = 99.686.428 \text{ đồng}$. Tổng số tiền mà ông B' phải trả cho bà B đối với giá trị đất và tài sản trên đất này là $(48.832.500 \text{ đồng} + 99.686.428 \text{ đồng}) = 148.518.928 \text{ đồng}$.

Các tài sản khác gồm: 01 tủ thờ bằng gỗ cao 1,4m, rộng 50cm, dài 1,4m; 01 ti vi 21inch hiệu TCL; 01 bộ bàn ghế sa lông bằng gỗ; 01 bàn tròn Inox và 12 ghế nhựa; 01 bồn nước Inox 1.000 lít; 01 bếp ga đôi hiệu KinFa và 01 bình ga lớn; 01 tủ lạnh hiệu Panasonic; 01 bơm nước 2,5 Kw + ống nước dài 50m, phi 40 + dây điện dài 24m. Tổng giá trị các tài sản này được xác định có giá trị là 7.400.000 đồng. Ông B' được nhận các tài sản này nên ông B' phải trả lại cho bà B $(7.400.000 \text{ đồng} : 2) = 3.700.000 \text{ đồng}$.

Ông B' được nhận tiền hỗ trợ bồi thường đất và tài sản gắn liền với đất đối với mảnh đất rẫy diện tích 17.819,1 m², trên đất trồng 500 cây chuối, tọa lạc tại thôn 7, xã E, huyện L. Với tổng số tiền 308.073.220 đồng, nên ông B' phải trả cho bà B $(308.073.220 \text{ đồng} : 2) = 154.036.610 \text{ đồng}$.

Tổng giá trị tài sản ông B' được chia là $(195.330.000 \text{ đồng} + 99.686.428 \text{ đồng} + 3.700.000 \text{ đồng} + 154.036.610 \text{ đồng}) = 452.753.038 \text{ đồng}$.

Tổng giá trị tài sản bà B được chia là $(148.518.928 \text{ đồng} + 3.700.000 \text{ đồng} + 154.036.610 \text{ đồng}) = 306.255.538 \text{ đồng}$. Như vậy, ông B' phải có trách nhiệm trả cho bà B tổng giá trị tài sản được chia bằng tiền là 306.255.538 đồng.

Về nợ chung:

Ông B' có trách nhiệm trả cho ông Bùi Huy V số tiền nợ 15.000.000 đồng.

Vì ông B' phải trả nợ cho ông V, nên bà B phải có trách nhiệm trả lại cho ông B' $(15.000.000 \text{ đồng} : 2) = 7.500.000 \text{ đồng}$.

Ông B' là người trả nợ cho Ngân hàng NN&PTNT Ea Ral với số tiền 53.000.000 đồng, nên bà B phải có trách nhiệm trả lại cho ông B' $(53.000.000 \text{ đồng} : 2) = 26.500.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền bà B phải trả cho ông B' là $(7.500.000 \text{ đồng} + 26.500.000 \text{ đồng}) = 34.000.000 \text{ đồng}$.

[3]. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá: Bà B, ông B' mỗi người phải chịu 4.900.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá.

Bà B được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định và định giá đã nộp 9.800.000 đồng, trả lại cho bà B $\frac{1}{2}$ số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định và định giá đã nộp sau khi thu được của ông B'.

[4]. Về án phí: Bà B và ông B' mỗi người phải chịu tiền án phí DSST tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản được chia theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 38; Điều 59; Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 213; Điều 219 Bộ luật dân sự.

Tuyên xử:

1. Chia cho ông Bùi Văn B' các tài sản sau:

1.1, 01 lô đất diện tích 5.079 m² đã được UBND huyện Ea H'Leo cấp GCNQSDĐ số BK 351705 cấp ngày 26/3/2013 mang tên hộ ông Bùi Văn B' và bà Nguyễn Thị B, tọa lạc tại thôn 9, xã E, huyện L, có tứ cận như sau Phía Đông giáp đường liên thôn; Phía Tây giáp đất ông O; Phía Nam giáp đất ông M; Phía Bắc giáp đường liên thôn. Trên đất có các tài sản sau: 300 cây cà phê; 01 trụ phát sóng Việt Nam Mobi; 01 trụ phát sóng HTC. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất được xác định có giá trị là 244.162.500 đồng. Đối với tài sản này ông B' được chia 80% giá trị tài sản là $(244.162.500 \text{ đồng} \times 80\%) = 195.330.000 \text{ đồng}$, bà B được chia 20 % giá trị tài sản là $(244.162.500 \text{ đồng} \times 20\%) = 48.832.500 \text{ đồng}$. Vì ông B' được nhận tài sản, nên ông B' có trách nhiệm trả cho bà B 48.832.500 đồng. Ngoài ra, trên đất còn có một số tài sản khác: 01 ngôi nhà xây tạm diện tích 71,7 m²; 01 nhà bếp diện tích 7,5 m²; 01 sân xi măng diện tích 98,52 m²; 01 giếng nước rộng 1 m, sâu 24 m xây thành nắp đậy; 45 cây bơ thường; 350 trụ tiêu thừa nhận đây là tài sản chung của hai người, nên cần chia mỗi người $\frac{1}{2}$ giá trị. Tổng giá trị tài này được xác định có giá trị là 199.372.856 đồng. Vì ông B' được nhận tài sản, nên ông B' có trách nhiệm trả cho bà B $(199.372.856 \text{ đồng} : 2) = 99.686.428 \text{ đồng}$. Tổng số tiền mà ông B' phải trả cho bà B đối với giá trị đất và tài sản trên đất này là $(48.832.500 \text{ đồng} + 99.686.428 \text{ đồng}) = 148.518.928 \text{ đồng}$.

Ông B' được chủ động đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, làm các thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất.

1.2, Các tài sản khác gồm: 01 tủ thờ bằng gỗ cao 1,4m, rộng 50cm, dài 1,4m; 01 ti vi 21inch hiệu TCL; 01 bộ bàn ghế sa lông bằng gỗ; 01 bàn tròn Inox và 12 ghế nhựa; 01 bồn nước Inox 1.000 lít; 01 bếp ga đôi hiệu KinFa và 01 bình ga lớn; 01 tủ lạnh hiệu Panasonic; 01 bơm nước 2,5 Kw + ống nước dài 50m, phi 40 + dây điện dài 24m. Tổng giá trị các tài sản này được xác định có giá trị là 7.400.000 đồng. Ông B' được nhận các tài sản này nên ông B' phải trả lại cho bà B $(7.400.000 \text{ đồng} : 2) = 3.700.000 \text{ đồng}$.

1.3, Ông B' được nhận tiền hỗ trợ bồi thường đất và tài sản gắn liền với đất với tổng số tiền 308.073.220 đồng, nên ông B' phải trả cho bà B $(308.073.220 \text{ đồng} : 2) = 154.036.610 \text{ đồng}$.

Tổng giá trị tài sản ông B' được chia là $(195.330.000 \text{ đồng} + 99.686.428 \text{ đồng} + 3.700.000 \text{ đồng} + 154.036.610 \text{ đồng}) = 452.753.038 \text{ đồng}$.

Tổng giá trị tài sản bà B được chia là $(148.518.928 \text{ đồng} + 3.700.000 \text{ đồng} + 154.036.610 \text{ đồng}) = 306.255.538 \text{ đồng}$. Như vậy, ông B' phải có trách nhiệm trả cho bà B tổng giá trị tài sản được chia bằng tiền là 306.255.538 đồng.

2. Về nợ chung:

2.2, Ông B' có trách nhiệm trả cho ông Bùi Huy V số tiền nợ 15.000.000 đồng.

Bà B phải có trách nhiệm trả lại cho ông B' $\frac{1}{2}$ số tiền mà ông B' phải trả nợ cho ông V là $(15.000.000 \text{ đồng} : 2) = 7.500.000 \text{ đồng}$.

2.2, Công nhận việc ông B' đã trả nợ cho Ngân hàng NN&PTNT Ea Ral với số tiền 53.000.000 đồng. Bà B phải có trách nhiệm trả lại cho ông B' $\frac{1}{2}$ số tiền mà ông B' đã trả nợ cho Ngân hàng là $(53.000.000 \text{ đồng} : 2) = 26.500.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền bà B phải trả cho ông B' là $(7.500.000 \text{ đồng} + 26.500.000 \text{ đồng}) = 34.000.000 \text{ đồng}$.

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, để tính lãi suất chậm thi hành án đối với khoản tiền nói trên.

3. *Về chi phí xem xét thẩm định và định giá:* Căn cứ khoản 2 Điều 157; khoản 2 Điều 158; khoản 2 Điều 165; khoản 2 Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà B, ông B' mỗi người phải chịu 4.900.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá.

Bà B được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định và định giá đã nộp 9.800.000 đồng, trả lại cho bà B $\frac{1}{2}$ số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định và định giá đã nộp sau khi thu được của ông B'.

4. *Về án phí:* Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 5 Điều 19; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án.

Bà B phải chịu 17.012.776 đồng tiền án phí DSST tương ứng với giá trị phần tài sản được chia và trả tiền nợ là $(306.255.538 \text{ đồng} + 34.000.000 \text{ đồng}) = 340.255.538 \text{ đồng}$.

Bà B được khấu trừ 3.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, theo biên lai số AA/2017/0000850 ngày 09/37/2018. Bà B phải tiếp tục nộp $(17.012.776 \text{ đồng} - 3.750.000 \text{ đồng}) = 13.262.776 \text{ đồng}$.

Ông B' phải chịu 22.410.121 đồng tiền án phí DSST tương ứng với giá trị phần tài sản được chia và trả tiền nợ là $(452.753.038 \text{ đồng} + 7.500.000 \text{ đồng}) = 460.253.038 \text{ đồng}$.

5. *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ các điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

Đã ký

Nguyễn Huy Vũ